

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN XÃ HỘI TỚI KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CHUỖI CUNG ỨNG

RESEARCH THE RELATIONSHIP BETWEEN SOCIAL CAPITAL AND SUPPLY CHAIN RESILIENCE

Nguyễn Thị Mai Anh^{1,*}, Vũ Đình Khoa¹

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.57>

TÓM TẮT

Trong thị trường cạnh tranh, chuỗi cung ứng phải đối mặt với những sự thay đổi bất thường của môi trường kinh doanh. Do đó, việc quản lý tốt chuỗi cung ứng đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, vốn xã hội là một yếu tố quan trọng, giúp doanh nghiệp thích nghi trong điều kiện biến động của môi trường kinh doanh. Phát triển dựa trên những lập luận đó, nghiên cứu này tập trung làm sáng tỏ tác động của vốn xã hội đối với khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng đối sau những biến động từ môi trường. Nghiên cứu sử dụng 216 doanh nghiệp tại các khu công nghiệp ở Hà Nội, kết quả kiểm định cho thấy cả ba khía cạnh của vốn xã hội là vốn cấu trúc, quan hệ và nhận thức có tác động tích cực đến khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng phục hồi chuỗi cung ứng.

Từ khóa: Vốn xã hội, chuỗi cung ứng, sự phục hồi chuỗi cung ứng.

ABSTRACT

In competitive markets, the supply chain faces different changes in the business environment. Previous studies have shown that social capital is an important factor which can help firms adapt to the changing conditions of the business environment. Developing on this argument, this study focuses on the impact of social capital on supply chain resilience under environmental changes. This paper is based on quantitative approach to analyze the data of 216 firms in Hanoi, the test results show that three dimensions of social capital have a positive impacts on supply chain resilience. Since then, the study proposes a few suggestions to improve supply chain resilience.

Keywords: Social capital, supply chain, supply chain resilience.

¹Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: nguyenmaianh06@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/4/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/6/2022

Ngày chấp nhận đăng: 27/10/2022

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Trong thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, chuỗi cung ứng phải đối mặt với sự gián đoạn do nhu cầu khách hàng thay đổi, vòng sản phẩm ngày càng bị rút ngắn, sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Những gián đoạn đó có thể ảnh hưởng xấu đến hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng nói chung và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Nhận thức được những mối đe dọa này,

các doanh nghiệp và nhà nghiên cứu đã và đang tập trung vào việc xây dựng khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng. Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra tầm quan trọng của vốn xã hội đối với khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu tiếp cận vốn xã hội như một khái niệm đồng nhất do đó có thể cung cấp một cái nhìn không đầy đủ về ảnh hưởng của vốn xã hội [12]. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là nghiên cứu cách thức các doanh nghiệp khai thác các khía cạnh khác nhau của vốn xã hội trong việc xây dựng khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng. Nghiên cứu của chúng tôi đóng góp vào tài liệu quản lý chuỗi cung ứng liên quan đến yếu tố quyết định khả năng phục hồi mạnh mẽ của chuỗi cung ứng và vai trò của khả năng phục hồi chuỗi cung ứng trong việc sử dụng vốn xã hội để cải thiện hiệu suất chuỗi cung ứng. Đầu tiên, nghiên cứu của chúng tôi cung cấp sự hiểu biết đầy đủ về vốn xã hội bằng cách đi sâu vào vai trò của vốn cấu trúc, vốn quan hệ và vốn nhận thức trong việc xây dựng khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng. Thứ hai, nghiên cứu của chúng tôi nhấn mạnh rằng các công ty trong chuỗi cung ứng cần xây dựng khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng để duy trì và nâng cao hiệu suất chuỗi cung ứng bằng cách sử dụng nguồn vốn xã hội của họ.

2. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

Vốn xã hội

Vốn xã hội đóng một vai trò quan trọng trong việc giải thích bản chất của kết nối và hợp tác [8]. Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, vốn xã hội được coi là yếu tố tích cực thúc đẩy các công ty hợp tác với nhau trong chuỗi cung ứng tạo ra các giá trị lớn hơn cho khách hàng và tạo ra lợi nhuận cho các doanh nghiệp trong chuỗi [16, 17]. Ngoài ra, vốn xã hội còn được coi là nguồn lực quý giá của các doanh nghiệp, thể hiện "giá trị cốt lõi của các mạng lưới xã hội" [20]. Theo nghiên cứu [24], vốn xã hội bao gồm nhiều khía cạnh như bối cảnh, quan hệ mạng lưới, giá trị và quan hệ tin cậy. Những khía cạnh này phản ánh ba thành phần chính của vốn xã hội: vốn cấu trúc, vốn quan hệ và vốn nhận thức. Trong đó cấu trúc xã hội đề cập đến sự tương tác xã hội giữa các bên và được thể hiện thông qua cấu trúc của mạng lưới và mức độ tương tác của mạng lưới. Trái ngược với vốn cấu trúc, vốn quan hệ đề cập đến giá trị bắt nguồn từ các mối quan hệ như niềm tin, tình bạn, sự tôn trọng và cùng nhau phát triển.

Vốn nhận thức đề cập đến các hệ thống chia sẻ những giá trị chung như văn hóa, mục tiêu, sứ mệnh và tầm nhìn.

Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng

Khả năng phục hồi được coi là một khả năng quan trọng bổ sung cho các quy trình quản lý rủi ro truyền thống [14]. Có nhiều khái niệm khác nhau về khả năng phục hồi chuỗi cung ứng. Ví dụ theo [13], khả năng phục hồi chuỗi cung ứng được định nghĩa là “Khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng để giảm tác động của những biến động đột ngột, hoặc khả năng chống lại sự lan truyền của những biến động đột ngột bằng cách duy trì sự kiểm soát đối với các cấu trúc và chức năng của chuỗi cung ứng”. “Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng giúp nhà quản trị chuỗi cung ứng đưa ra các kế hoạch phản ứng tức thời và hiệu quả để vượt qua sự xáo trộn và khôi phục chuỗi cung ứng về trạng thái hoạt động mạnh mẽ”. Khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng là khả năng hoạt động của chuỗi cung ứng trước và sau khi bị gián đoạn do các biến động từ môi trường [28]. Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng còn có thể được hiểu trên khía cạnh khả năng chuỗi cung ứng thích ứng với biến đổi từ môi trường. Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng không giống nhau trong các trường hợp khác nhau và tùy thuộc vào mức độ của các gián đoạn. Do đó khả năng phục hồi chuỗi cung ứng có thể được đánh giá dựa vào các tiêu chí như sự linh hoạt và kịp thời trong đối phó với các tình huống hoặc khả năng thay đổi nhanh chóng [3], hoặc khả năng khôi phục chuỗi cung ứng về trạng thái ban đầu hoặc đạt được hiệu quả tốt hơn sau khi bị gián đoạn.

3. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Các học giả nghiên cứu về chuỗi cung ứng cho rằng vốn xã hội đã là một trong những yếu tố quan trọng tăng cường các mối quan hệ trong chuỗi cung ứng. Trong đó, vốn cấu trúc được coi là phương thức kết nối giữa các doanh nghiệp, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng hợp tác và học hỏi lẫn nhau [16]. Cấu trúc mạng lưới và quan hệ giữa các thành viên trong mạng lưới của chuỗi cung ứng có thể được điều chỉnh cho phù hợp để tăng khả năng đối phó với các biến động từ môi trường. Khi chuỗi cung ứng gặp phải các biến động dẫn đến gián đoạn, việc tăng cường hợp tác, chia sẻ nguồn lực giữa các doanh nghiệp mắt xích trong chuỗi là rất cần thiết. Bên cạnh đó việc chia sẻ các nguồn lực và hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong chuỗi sẽ giúp doanh nghiệp khắc phục được những yếu điểm và củng cố khả năng thích ứng cũng như chuẩn bị tốt hơn cho những biến động không lường trước trong tương lai. Bên cạnh đó, khả năng phục hồi chuỗi cung ứng thể hiện ở khả năng dự báo biến động [28]. Và việc tăng cường tương tác và xây dựng mạng lưới liên kết chặt chẽ sẽ giúp các doanh nghiệp chia sẻ thông tin kịp thời, hỗ trợ tích cực cho công tác dự báo [12]. Dựa trên các lập luận trên, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu:

H1. Vốn cơ cấu có ảnh hưởng tích cực đến khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng.

Theo [24], vốn quan hệ dùng để chỉ giá trị do các mối quan hệ tạo ra. Morgan và Hunt [19] phát hiện ra rằng vốn

quan hệ bao gồm lòng tin, tình bạn, sự tôn trọng và có đi có lại được phát triển thông qua sự tương tác giữa các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Vốn quan hệ có thể khuyến khích các thành viên trong chuỗi cung ứng hợp tác chia sẻ lợi ích chung [26]. Từ đó, vốn quan hệ có thể tạo ra một môi trường đáng tin cậy giữa các đối tác trong chuỗi cung ứng. Khi rủi ro hoặc sự đổ vỡ xảy ra, niềm tin, sự tôn trọng và chia sẻ lẫn nhau sẽ giúp các doanh nghiệp loại bỏ sự không chắc chắn về đối tác của họ và khuyến khích họ hành động vì mục tiêu chung. Nói một cách khác vốn quan hệ có thể hoạt động như một loại chất kết dính, giữ các doanh nghiệp lại với nhau chống lại sự đổ vỡ và thay đổi. Do đó, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết sau:

H2. Vốn quan hệ có ảnh hưởng tích cực đến khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng.

Bên cạnh vốn cấu trúc, vốn quan hệ, vốn nhận thức là yếu tố chính để thúc đẩy giao tiếp và hiểu biết lẫn nhau giữa các đối tác. Khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng cho phép các đối tác trong chuỗi cung ứng sẵn sàng đối mặt với những thay đổi và rủi ro có thể xảy đến. Tuy nhiên, một trong những rủi ro mà các doanh nghiệp có thể gặp phải chính là sự hiểu nhầm lẫn nhau trong quá trình vận hành chuỗi cung ứng và từ đó tạo ra xung đột không đáng có khiến cho chuỗi cung ứng bị gián đoạn hoặc đứt gãy [21]. Ngoài ra, vốn nhận thức còn đóng vai trò thúc đẩy sự chia sẻ, cải thiện mối quan hệ tích cực giữa các thành viên của chuỗi cung ứng nhằm giảm rủi ro. Ngoài ra, các tài liệu liên quan chỉ ra rằng vốn nhận thức thúc đẩy chia sẻ thông tin và kiến thức được coi là yếu tố quan trọng trong việc giải thích tính linh hoạt của chuỗi cung ứng và cải thiện khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng [16]. Do đó, dựa vào những lập luận trên, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

H3. Vốn nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Thang đo

Thang đo của các biến được tổng hợp từ những nghiên cứu trước đây thông qua kết quả tổng quan tài liệu. Cụ thể, vốn cấu trúc được đo lường bằng 4 thang đo (ký hiệu SC1, SC2, SC3 và SC4) theo [15, 26, 30]. Vốn xã hội nhận thức được đo lường bằng 4 thang đo ký hiệu ký hiệu CC1, CC2, CC3 và CC4. Vốn quan hệ được đo lường bằng 4 thang đo ký hiệu RC1, RC2, RC3 và RC4. Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng được đo lường bằng 5 thang đo trích từ nghiên cứu [7].

4.2. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu thu thập được tại Hà Nội thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. Những người được hỏi là các nhà quản lý hoặc trưởng nhóm, những người chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến chuỗi cung ứng. Với sự hỗ trợ từ hiệp hội Logistics Việt Nam và hiệp hội doanh nghiệp thành phố Hà Nội, nhóm tác giả đã tiến hành gửi phiếu khảo sát đến 520 doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực (sản xuất, thực phẩm, đồ uống và dược

phẩm) tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và tỉnh Bắc Ninh. Sau hai tháng khảo sát, số lượng phiếu thu về là 216 phiếu với tỷ lệ phản hồi xấp xỉ 42%. Sau khi loại bỏ một số phiếu không đảm bảo chất lượng, nhóm tác giả đã đưa vào phân tích 216 phiếu, cỡ mẫu cuối cùng là 216.

4.3. Phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập được phiếu trả lời bảng khảo sát, tác giả tiến hành làm sạch thông tin, lọc bảng khảo sát và mã hóa những thông tin cần thiết, nhập dữ liệu và tiến hành phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20. Nhóm tác giả tiến hành các bước phân tích sau: (i) Thống kê mô tả dữ liệu thu thập; (ii) Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha; (iii) Phân tích nhân tố khám phá EFA (*Exploratory Factor Analysis*); (iv) kiểm định giả thuyết nghiên cứu.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Hệ số Cronbach Alpha được sử dụng để loại các biến "rác", các biến này có hệ số tương quan tổng biến (Corrected item total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo sẽ được chọn khi hệ số Cronbach Alpha từ 0,6 trở lên.

Dữ liệu của bài báo này được phân tích bằng phần mềm SPSS 20. Độ tin cậy được đánh giá theo tiêu chí của Cronbach α lớn hơn 0,7. Từ kết quả Cronbach α , tất cả các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy với hệ số Cronbach α dao động từ 0,7 đến 0,8.

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy chỉ số KMO là 0,838 > 0,5 điều này chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn thích hợp.

Kết quả kiểm định Barlett's là 1465,131 với mức ý nghĩa (p_value) sig = 0,000 < 0,05, như vậy các biến có tương quan với nhau và thỏa điều kiện phân tích nhân tố. Kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát cũng là các biến chỉ báo trong mô hình đo lường.

Bảng 1. Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo các khái niệm nghiên cứu

	Cronbach's Alpha
Vốn nhận thức (CC)	0,899
Vốn cấu trúc (SC)	0,912
Vốn quan hệ (RC)	0,882
Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng (SR)	0,799

Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu như bảng 2.

Bảng 2. Kết quả kiểm định giả thuyết

		Estimate	S.E.	C.R.	P	Kết luận
H ₁	CC → SR	0,253	0,121	2,089	***	Chấp thuận
H ₂	SC → SR	0,133	0,112	2,140	0,032	Chấp thuận
H ₃	RC → SR	0,120	0,117	5,501	***	Chấp thuận

Kết quả kiểm định giả thuyết chỉ ra rằng vốn cấu trúc, vốn quan hệ và vốn xã hội đều có mối liên hệ tích cực với

khả năng phục hồi chuỗi cung ứng với các mối tương quan tương ứng là 0,253 (P < 0,001), 0,133 (P < 0,005) và 0,120 (P < 0,001). Do đó, H₁, H₂, H₃ đều được chấp nhận.

6. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các khía cạnh khác nhau của vốn xã hội có những tác động tích cực đến khả năng phục hồi chuỗi cung ứng. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng vốn xã hội không chỉ tạo dựng mối quan hệ tốt hơn giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng và còn giúp cho họ tăng khả năng thích nghi hoặc ứng phó kịp thời với những biến đổi từ môi trường kinh doanh. Các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng có thể cải thiện khả năng đối phó với những thay đổi và phục hồi sau những gián đoạn bằng cách cải thiện mức độ tương tác, quan hệ mạng lưới, lòng tin, tình bạn, niềm tin và văn hóa hợp tác. Mối quan hệ xây dựng trên nền tảng vốn xã hội cho phép các nhà quản lý vận hành chuỗi cung ứng mà không cần lo lắng về các hành vi cơ hội và sự tư lợi cá nhân và đẩy lùi nguy cơ xung đột trong nội bộ, góp phần nâng cao khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả khuyến nghị các nhà quản lý nên chú trọng xây dựng chiến lược hợp tác, góp phần mang lại lợi ích cho toàn bộ chuỗi cung ứng. Cụ thể: Doanh nghiệp nên chú trọng đến việc thiết lập cấu trúc mạng lưới tương tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong chuỗi để tránh những tổn thất nghiêm trọng khi sự gián đoạn xảy ra trong chuỗi cung ứng. Song song với đó, nhà quản lý cũng nên bồi dưỡng và vun đắp các mối quan hệ với đối tác trong chuỗi bằng việc chia sẻ nguồn lực, thông tin, và kinh nghiệm để hợp tác hiệu quả hơn và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó khi có biến động hoặc gián đoạn xảy ra. Doanh nghiệp cần hợp tác không chỉ trong các nhiệm vụ kinh tế mà cần chia sẻ các giá trị, văn hóa và tầm nhìn trong quá trình vận hành chuỗi cung ứng để tránh chủ nghĩa cơ hội và hành vi tư lợi tạo ra những sự đứt gãy trong hoạt động chuỗi cung ứng. Từ kết quả nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách cũng nên quan tâm nhiều hơn đến việc tạo điều kiện cho nguồn vốn xã hội giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng, đồng thời có thể ra những biện pháp khuyến khích sự chia sẻ, đồng lòng trong giải quyết khó khăn, đối phó với các biến động và rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ali I., Gölgeci I., 2019. *Where is supply chain resilience research heading? A systematic and co-occurrence analysis*. International Journal of Physical Distribution & Logistics Management. Vol. 49 No. 8, pp. 793-815.
- [2]. Ambulkar S., Blackhurst J., Grawe S., 2015. *Firm's resilience to supply chain disruptions: Scale development and empirical examination*. Journal of Operations Management, Vol. 33, pp. 111-122.
- [3]. Christopher M., Holweg M., 2011. *Supply Chain 2.0: Managing supply chains in the era of turbulence*. International Journal of Physical Distribution & Logistics Management, Vol. 41 No. 1, pp. 63-82.

- [4]. Coleman J. S., 1988. *Social capital in the creation of human capital*. American Journal of Sociology, Vol. 94, pp. S95-S120.
- [5]. Fornell C., Larcker D. F., 1981. *Evaluating structural equation models with unobservable variables and measurement error*. Journal of Marketing Research, Vol. 18, pp. 39-50.
- [6]. Germain R., Claycomb C., Dröge C., 2008. *Supply chain variability, organizational structure, and performance: the moderating effect of demand unpredictability*. Journal of operations management, Vol. 26 No. 5, pp. 557-570.
- [7]. Gölgeci I., Kuivalainen O., 2019. *Does social capital matter for supply chain resilience? The role of absorptive capacity and marketing-supply chain management alignment*. Industrial Marketing Management, Vol. 82, pp. 1-15.
- [8]. Handoko I., Bresnen M., Nugroho Y., 2018. *Knowledge exchange and social capital in supply chains*. International Journal of Operations & Production Management, Vol. 38 No. 1, pp. 90-108.
- [9]. Huo B., Ye Y., Zhao X., 2015. *The impacts of trust and contracts on opportunism in the 3PL industry: The moderating role of demand uncertainty*. International Journal of Production Economics, Vol. 170, pp. 160-170.
- [10]. Huh W. T., Park K. S., 2013. *Impact of transfer pricing methods for tax purposes on supply chain performance under demand uncertainty*. Naval Research Logistics (NRL), Vol. 60 No. 4, pp. 269-293.
- [11]. Inkpen A. C., Tsang E. W., 2005. *Social capital, networks, and knowledge transfer*. Academy of Management Review, Vol. 30 No. 1, pp. 146-165.
- [12]. Johnson N., Elliott D., Drake P., 2013. *Exploring the role of social capital in facilitating supply chain resilience*. Supply Chain Management: An International Journal, Vol. 18 No. 3, pp. 324-336.
- [13]. Kamalahmadi M., Parast M. M., 2016. *A review of the literature on the principles of enterprise and supply chain resilience: Major findings and directions for future research*. International Journal of Production Economics, Vol. 171, pp. 116-133.
- [14]. Kochan C. G., Nowicki D. R., 2018. *Supply chain resilience: a systematic literature review and typological framework*. International Journal of Physical Distribution & Logistics Management, Vol. 48 No. 8, pp. 842-865.
- [15]. Lawson B., Tyler B. B., Cousins P. D., 2008. *Antecedents and consequences of social capital on buyer performance improvement*. Journal of Operations Management, Vol. 26 No. 3, pp. 446-460.
- [16]. Li Y., Zhang Y., Zheng S., 2016. *Social capital, portfolio management capability and exploratory innovation: evidence from China*. Journal of Business & Industrial Marketing, Vol. 31 No. 6, pp. 794-807.
- [17]. Liu C. H., 2017. *The relationships among intellectual capital, social capital, and performance-The moderating role of business ties and environmental uncertainty*. Tourism Management, Vol. 61, pp. 553-561.
- [18]. Martin P. R., Patterson J. W., 2009. *On measuring company performance within a supply chain*. International Journal of Production Research, Vol. 47 No. 9, pp. 2449-2460.
- [19]. Morgan R. M., Hunt S. D., 1994. *The commitment-trust theory of relationship marketing*. Journal of Marketing, Vol. 58 No. 3, pp. 20-38.
- [20]. Nahapiet J., Ghoshal S., 1998. *Social capital, intellectual capital, and the organizational advantage*. Academy of Management Review, Vol. 23 No. 2, pp. 242-266.
- [21]. Nguyen M. A. T., Lei H., Vu K. D., Sultan M., 2019. *Relational capital and supply chain collaboration for radical and incremental innovation*. Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, Vol. 31, pp. 1076-1094.
- [22]. Rajaguru R., Matanda M. J., 2013. *Effects of inter-organizational compatibility on supply chain capabilities: exploring the mediating role of inter-organizational information systems (IOIS) integration*. Industrial Marketing Management, Vol. 42 No. 4, pp. 620-632.
- [23]. Sukoco B. M., Hardi H., Qomariyah A., 2018. *Social capital, relational learning, and performance of suppliers*. Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics, Vol. 30 No. 2, pp. 417-437.
- [24]. Tsai W., Ghoshal S., 1998. *Social capital and value creation: The role of intrafirm networks*. Academy of Management Journal, Vol. 41 No. 4, pp. 464-476.
- [25]. Vanichchinchai A., Igel B., 2009. *Total quality management and supply chain management: similarities and differences*. The TQM Journal, Vol. 21, pp. 249-260.
- [26]. Villena V. H., Revilla E., Choi T. Y., 2011. *The dark side of buyer-supplier relationships: A social capital perspective*. Journal of Operations Management, Vol. 29 No. 6, pp. 561-576.
- [27]. Walker G., Weber D., 1984. *A transaction cost approach to make-or-buy decisions*. Administrative science quarterly, Vol. 29 No. 3, pp. 373-391.
- [28]. Wieland A., Marcus Wallenburg C., 2013. *The influence of relational competencies on supply chain resilience: a relational view*. International Journal of Physical Distribution & Logistics Management, Vol. 43 No. 4, pp. 300-320.
- [29]. Ye F., Hou G., Li Y., Fu S., 2018. *Managing bioethanol supply chain resiliency: a risk-sharing model to mitigate yield uncertainty risk*. Industrial Management & Data Systems, Vol. 118 No. 7, pp. 1510-1527.
- [30]. Yim B., Leem B., 2013. *The effect of the supply chain social capital*. Industrial Management & Data Systems, Vol. 113 No. 3, pp. 324-349.
- [31]. Zhu Q., Krikke H., Caniëls M. C., 2017. *Integrated supply chain risk management: a systematic review*. The International Journal of Logistics Management, Vol. 28 No. 4, pp. 1123-1141.

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thi Mai Anh, Vu Dinh Khoa

Faculty of Business Management, Hanoi University of Industry